TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HN** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2021/HS-ST
Ngày: 24-9-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HN, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thì Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Văn Tính.

Ông Bùi Tấn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Y Phụng - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện HN, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Ngô Hữu Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HN, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 47/2021/TLST-HS ngày 30 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2021/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Trần Hữu L, sinh năm 1996, tại Đồng Tháp. Nơi cư trú: ấp TĐ, xã TL, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Hộ và bà Võ Thị Thị; vợ, con: chưa có; tiền án: 01 lần, ngày 19/7/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Tân H2, tỉnh Đồng Tháp tuyên phạt 01 năm 06 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, chấp hành xong ngày 20/8/2020; tiền sự: không; bị bắt, tạm giữ: ngày 06/3/2021, tạm giam: ngày 14/3/2021; có mặt.

2. Nguyễn Tấn L1, sinh ngày 09/9/2000, tại Đồng Tháp. Nơi cư trú: khóm An Phước, phường AB A, thành phố HN, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Sóc Pha và bà Nguyễn Thị Ánh; vợ, con: chưa có; tiền án: 01 lần, ngày 01/11/2018 bị Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tuyên phạt 08 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong

ngày 07/6/2019; tiền sự: 01 lần bị Tòa án nhân dân thị xã HN (nay là thành phố HN), tỉnh Đồng Tháp ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời gian 12 tháng, chấp hành xong ngày 22/01/2021; bị bắt, tạm giữ: ngày 06/3/2021, tạm giam: 14/3/2021; có mặt.

3. Lê Minh H, sinh năm 1995, tại Đồng Tháp. Nơi cư trú: khóm An Phước, phường AB A, thành phố HN, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Minh Quan và bà Trần Thị Thúy; sống như vợ cH2 với Lê Thị Thúy Quyền, con: chưa có; tiền án: 01 lần ngày 09/11/2018 bị Tòa án nhân dan thị xã HN (nay là thành phố HN), tỉnh Đồng Tháp tuyên phạt 01 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong ngày 10/11/2019; tiền sự: bị bắt, tạm giữ ngày: 01/4/2021, tạm giam: ngày 07/4/2021; có mặt.

4. Lâm Phương Ng, sinh ngày 10/11/2002, tại Đồng Tháp. Nơi cư trú: ấp Gò Bói, xã Tân Hộ Cơ, huyện Tân H2, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Văn Hép và bà Giang Thị Niêm; vợ, con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt, tạm giữ: ngày 06/3/2021; tại ngoại từ ngày 15/3/2021; bị bắt, tạm giam: ngày 27/5/2021; có mặt.

5. Nguyễn Văn H1, sinh năm 1984, tại Đồng Tháp. Nơi cư trú: khóm An Phước, phường AB A, thành phố HN, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Quới và Phạm Thị Nga; có vợ và 02 con; tiền án: không; tiền sự: không, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 24/5/2021 đến ngày 01/8/2021; có mặt.

- *Bị hại*:

1/ Nguyễn Chí D, sinh năm 1978. Địa chỉ: Khóm T, thị trấn TTT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

2/ Trần Văn Đ, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp TĐ, xã TL, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

3/ Lê Ngọc H2, sinh năm 1975. Địa chỉ: Ấp TĐ, xã TL, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

4/ Hồ Văn M, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp TĐ, xã TL, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

5/ Lâm Quốc Th, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp TĐ, xã TL, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

6/ Nguyễn Văn Q, sinh năm 1968. Địa chỉ: Ấp TĐ, xã TL, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

7/ Lê Văn H3, sinh năm 1953. Địa chỉ: Ấp TĐ, xã TL, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

- Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan:

1/ Phạm Thái H4, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp Phú L B, xã Phú Th B, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

2/ Tạ Minh P, sinh năm 1987. Địa chỉ: Khóm B, phường An L1, thành phố HN, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

3/ Nguyễn Văn T, sinh năm 1998. Địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện TN, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

4/ Đinh Hoàng V, sinh năm 2000. Địa chỉ: Ấp 1, xã TL, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

5/ Trần Văn H5, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp T, xã TH, thành phố HN, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

6/ Phạm Thế H6, sinh ngày 07/5/1997. Địa chỉ: khóm AP, phường AB, thành phố HN, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

7/ Đinh Văn Khánh L2, sinh năm 1996. Địa chỉ: Ấp 1, xã TL, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng;

1/ Ngô Văn N1, sinh năm 1966. Địa chỉ: Ấp TĐ, xã TL, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

2/ Thái Văn T1, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp TĐ, xã TL, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

3/ Phạm Nguyễn Duy Q, sinh ngày 30/7/1981. Địa chỉ: 305/19/15, Lê Văn Sỹ, phường 1, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

4/ Lý Văn Ng1, sinh năm 1996. Địa chỉ: khóm AP, phường AB A, thành phố HN, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sau khi tiếp nhận các tin báo của các ông Nguyễn Chí D, Trần Văn Đ, Lê Ngọc H1, Hồ Văn M, Lâm Quốc Th, Nguyễn Văn Q và Lê Văn H về việc bị mất trộm tài sản là xe mô tô trên địa bàn ấp TĐ, xã TL, xét thấy có dấu hiệu tội phạm nên Công an xã TL chuyển tin báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện HN để tiếp tục xác minh, giải quyết theo thẩm quyền.

Vào khoảng 09 giờ 50 phút ngày 05/3/2021, Công an phường AB A kết hợp Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về hình sự, kinh tế và ma túy Công an thành

phố HN tuần tra kiểm soát đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn phát hiện đối tượng Nguyễn Tấn L1 điều khiển xe mô tô biển số 66N1- 071.12, tổ công tác yêu cầu xuất trình giấy đăng ký xe mô tô nói trên, L1 không xuất trình giấy đăng ký xe. Qua làm việc Nguyễn Tấn L1 khai nhận xe mô tô trên là xe mô tô biển số 66K6-0029 do L lấy trộm của ông Lê Ngọc H1, tháo biển số gắn biển số 66N1-071.12 để lưu thông. Nên Công an phường AB A, thành phố HN chuyển hồ sơ đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện HN để điều tra theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, các bị cáo thừa nhận như sau:

Bị cáo Trần Hữu L thừa nhận cùng với Nguyễn Tấn L1 thực hiện trộm xe mô tô biển số 66H7-2232 của ông Nguyễn Văn Q. Ngoài ra L còn thực hiện 06 lần trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Lần thứ 1: Vào khoảng 03 giờ 00 phút ngày 22/02/2021, L nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên mang theo một cây kiềm đi bộ tìm tài sản để lấy trộm. Khi đến khu vực bờ sông gần nơi neo đậu bè nuôi cá thuộc ấp TĐ, xã TL, thấy xe mô tô biển số 66H4 – 2576, loại xe Wave alpha, màu sơn đỏ của Nguyễn Chí D để cặp bờ sông không có người trông giữ, có dùng khóa vòng để khóa bánh sau xe, L dùng kiềm tháo khóa và mắc dây điện trực tiếp vào công tắc, điều khiển xe chạy đến nhà của Lê Minh H đưa xe cho H tiêu thụ.

Lần thứ 2: Vào khoảng 03 giờ 00 phút ngày 23/02/2021, L tiếp tục lấy trộm xe mô tô biển số 66H1 – 085.09, loại FUTURE FI, màu sơn xanh - đỏ - đen của Trần Văn Đ đang dựng dưới sàn nhà nH1 không cửa rào. L dùng tay bẻ khóa rồi dẫn xe đi, đến gần trụ sở Ủy ban nhân dân xã TL thì L gọi điện thoại cho Đinh Hoàng V nhờ đẩy xe xuống thành phố HN. V không biết xe L nhờ đẩy đi là do trộm mà có nên đồng ý. V sử dụng xe mô tô biển số 66G1-437.81 của Đinh Văn Khánh Linh đứng tên chủ sở hữu đẩy xe của L lấy trộm được đến nhà của H, L đưa xe cho H tiêu thụ.

Lần thứ 3: Vào khoảng 02 giờ ngày 26/02/2021, L tiếp tục mang kiềm đi bộ để tìm tài sản lấy trộm. Khi đến nhà ông Lê Ngọc H1, L thấy xe mô tô biển số 66K6 – 0029, còn chìa khóa trên xe đang dựng trong sân nhà có khóa cửa rào nên L đi vòng phía sau để đi vào nhà. L dùng kiềm bẻ khóa cửa rào và dẫn xe ra đến đường tỉnh lộ ĐT841, bật chìa khóa khởi Đ máy xe điều khiển đến nhà của H để đưa xe cho H tiêu thụ.

Lần thứ 4: Vào khoảng 03 giờ ngày 02/3/2021, L đi bộ để tìm tài sản lấy trộm, khi đến nhà ông Hồ Văn M, L thấy xe mô tô biển số 52P4-3756 đang dựng trong sân nhà, cửa rào không có khóa. L đi vào bên trong sân nhà lấy trộm xe mô tô dẫn đi ra đường nông thôn và nối trực tiếp dây điện công tắc xe và điều khiển xe đến nhà H, giao xe cho H tiêu thụ. Sau đó H đưa cho Nguyễn Tấn L1 đi

bán cho ông Tạ Minh P với giá 900.000đ, Tạ Minh P mua xe này giùm cho anh Phạm Thái H2.

Lần thứ 5: Vào khoảng 02 giờ ngày 03/3/2021, L đi bộ để tìm tài sản để lấy trộm, đến nhà của ông Lâm Quốc Th thấy xe mô tô biển số 66N6 – 4678 đang dựng trong sân nhà có khóa cửa, nên L trèo hàng rào vào bên trong nhà, rồi dùng kìm bẻ cắt khóa khoen cửa rào lấy trộm xe dẫn đi ra ngoài. L thấy xe không có chìa khóa, không khởi Đ được nên L gọi điện thoại cho H để nhờ H đến rước, nH1 lúc này H đang bận nên H kêu Nguyễn Tấn L1 đi rước L. Sau đó, L1 điều xe mô tô của H biển số 51L5 – 5165, loại EXCITER đến cầu TĐ thuộc xã TL, huyện HN để đẩy xe L1 vừa mới trộm được đến nhà H cất giấu.

Lần thứ 6: Khoảng 04 giờ cùng ngày 03/3/2021, L điều khiển xe mô tô của H chở L1 đi từ hướng thành phố HN đến huyện HN. Khi đến đoạn đường nội đồng thuộc ấp TĐ, xã TL. L và L1 phát hiện xe mô tô 66H7-2232 của Nguyễn Văn Q đang dựng cặp đường, có khóa bánh sau nhưng không có người trông giữ. L dùng kiềm bẻ, cắt khóa xe của ông Q, L1 ngồi trên xe để cảnh giới. Sau đó, L khởi động xe ông Q điều khiển đến nhà của H để tiêu thụ. H bảo L1 mang xe đến bán cho ông Nguyễn Văn T với giá 1.100.000 đồng. Sau khi bán xe được, L1 đưa hết số tiền bán xe cho L, L lấy 500.000 đồng để mua ma túy sử dụng chung.

Lần thứ 7: Vào khoảng 03 giờ 30 phút ngày ngày 04/3/2021 L đi bộ từ nhà đến căn nhà bỏ hoang để sử dụng ma túy, khi đến nhà Lê Văn H thấy xe mô tô biển số 66G1-186.04 (bánh xe đã bị khóa bằng dây xích) đang dựng dưới sàn nhà. Lúc này, L đi lên sàn nhà lục soát tìm chìa khóa thì phát hiện 01 cái ví da bên trong có số tiền 504.000 đồng, để trong túi quần dài treo trên giá võng nên L lấy trộm. Sau đó, L thấy có chùm chìa khóa, trong đó có chìa khóa xe và chìa khóa dây xích đang để trên bàn, nên L lấy chìa khóa mở ổ khóa dây xích và lấy chìa khóa xe khởi Đ máy xe điều khiển đến nhà H tiêu thụ.

Tổng số tiền bán xe trộm được là: 16.500.000 đồng *(mười sáu triệu, năm trăm nghìn đồng).*

Đối với bị cáo Lê Minh H thừa nhận 06 lần tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, cụ thể:

Lần thứ 1: Ngày 22/02/2021, H đem xe mô tô biển số 66H4 – 2576 do L trộm được bán cho ông Trần Văn H2 được số tiền 3.000.000 đồng, H đưa hết số tiền cho L và L dùng 500.000 đồng mua ma túy, cùng nhau sử dụng.

Lần thứ 2: Ngày 24/02/2021, H được Khúc Văn C giới thiệu một người đàn ông không biết tên, địa chỉ cho H bán xe mô tô biển số 66H1-085.09 mà L lấy trộm vào ngày 23/02/2021 với giá 4.000.000 đồng, H đưa hết số tiền cho L và L

lấy ra 500.000 đồng mua ma túy, để sử dụng chung. (hiện nay chưa thu hồi được xe).

Lần thứ 3: Ngày 27/02/2021, H thỏa Th bán xe mô tô (không biển số do L và H tháo bỏ là xe mô tô biển số 66K6-0029) cho Nguyễn Văn H1 với số tiền 2.500.000 đồng, H1 trả trước cho H số tiền 1.000.000 đồng, H đưa hết số tiền cho L. Đến chiều cùng ngày, H1 trả thêm cho H số tiền 1.500.000 đồng. Buổi tối cùng ngày, H đưa cho Lâm Phương Ng số tiền 1.000.000 đồng. Còn lại số tiền 500.000 đồng L và H mua ma túy, để sử dụng chung.

Lần thứ 4: Ngày 04/3/2021, H bán xe mô tô (không biển số do L và H tháo bỏ là xe mô tô biển số 66N6-4678) cho một thanh niên tên Bành (không rõ họ và chữ lót) ở xã Bình Thạnh, thành phố HN với giá 2.000.000 đồng, H đưa hết số tiền cho L và L cho lại H số tiền 500.000 đồng. (hiện nay chưa thu hồi được xe)

Lần thứ 5: Ngày 04/3/2021, H kêu L1 mang xe mô tô (không biển số do L và H tháo bỏ là xe mô tô biển số 66H7-2232) đến bán cho ông Nguyễn Văn T với số tiền 1.100.000 đồng, sau đó L1 đưa hết số tiền bán xe cho L và L lấy ra 500.000 đồng mua ma túy để L, L1, H sử dụng chung.

Lần thứ 6: ngày 04/3/2021 H nhờ Phạm Thế H2 mang xe mô tô (không biển số do L và H tháo bỏ) do L lấy trộm trước đó là xe biển kiểm soát 66G1-186.04 đi bán thì Hậu đồng ý. Sau đó, Hậu mang xe này đến bán cho một người tên Lành (không rõ họ, chữ lót) ở huyện Thanh Bình với số tiền 3.000.000 đồng, Hậu đưa hết số tiền cho H và H đưa hết số tiền L. L lấy ra 500.000 đồng mua ma túy, để sử dụng chung. (hiện nay chưa thu hồi được xe).

Tổng số tiền mà H tiêu thụ tài sản 06 chiếc xe mô tô do L trộm cắp mà có là 15.600.000 đồng.

Ngoài ra, vào ngày 05/3/2021, H bán xe mô tô do L1 và Ng lấy trộm được ở huyện TN bán xe cho người tên Q1 (không rõ họ, chữ lót và địa chỉ cụ thể) với số tiền 1.100.000 đồng. Sau đó, H đưa hết số tiền bán xe cho L1, L1 cho lại H 200.000 đồng và mua ma túy để sử dụng chung. Quá trình điều tra, xét thấy sự việc xảy ra ở huyện TN, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện HN có Công văn chuyển cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện TN điều tra theo thẩm quyền.

Đối với Nguyễn Tấn L1 thừa nhận cùng với L thực hiện lấy trộm xe mô tô biển số 66H7-2232 của ông Nguyễn Văn Q ở ấp TĐ, xã TL, huyện HN và đem bán cho Nguyễn Văn T với giá 1.100.000 đồng. Ngoài ra, L1 còn bán xe mô tô biển số 52P4-3756 cho anh Tạ Minh P với giá 900.000 đồng, khi biết rõ xe mô tô do L trộm cắp mà có. Đồng thời, L1 còn giúp L đẩy xe mô tô biển số 66N6-

4678 và còn nhận cầm xe mô tô biển số 66K6-0029 từ Nguyễn Văn H khi biết rõ xe này do L lấy trộm của người khác.

Đối với Lâm Phương Ng tuy không có bàn bạc, hứa hẹn trước với L về việc đi trộm cắp tài sản, nhưng trong khoảng thời gian L liên tiếp lấy trộm được các xe mô tô mang đến cho H bán lấy tiền thì Ng đang sinh sống tại nhà của L, cùng sử dụng số tiền bán xe trộm được để tiêu xài cá nhân. Ng biết rõ việc L đi trộm cắp xe mô tô của người khác trên địa bàn ấp TĐ, xã TL đem bán lấy tiền để chi tiêu sinh hoạt hằng ngày và số tiền 1.000.000 đồng mà Ng đến nhà H lấy thì Ng cũng biết rõ đây là số tiền do L lấy trộm xe đưa cho H đem bán mà có được.

Đối với Nguyễn Văn H1 mua xe mô tô biển số 66K6-0029 với giá 2.500.000 đồng khi biết rõ xe này là tài sản do người khác phạm tội mà có (do khi bán xe H có nói là xe do trộm có được).

Kết luận định giá tài sản số: 08 và 09 cùng ngày 11/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện HN kết luận xe mô tô biển số 66K6-0029, nhãn hiệu HAMCO, màu sơn đỏ, số khung 062PD-001270, số máy FMH-00001270, đã qua sử dụng (xe không có gắn biển số). Trị giá 3.200.000 đồng và xe mô tô biển số: 66H7 – 2232, số khung: RPDWCHNPD5A-009877; số máy: VZS152FMH-009877, nhãn hiệu YUMATI, màu sơn đỏ - bạc – đen, đã qua sử (xe không có gắn biển số). Trị giá 3.500.000 đồng**.**

Kết luận định giá tài sản số: 13, ngày 26/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện HN kết luận xe mô tô biển số 52P4-3756, nhãn hiệu LISOHAKA, màu sơn nâu, số khung DCG014LK-111641, số máy 0FMG2-000111641, đã qua sử dụng (xe không có gắn biển số). Trị giá 3.500.000 đồng**.**

Kết luận định giá tài sản số: 17, ngày 06/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện HN, kết luận như sau:

- Xe mô tô biển số 66H4-2576, nhãn hiệu HONDA, loại Wave alpha, màu sơn đỏ, số khung: RLHHC09053Y622354, số máy: HC09E-0622487, xe đã qua sử dụng (xe không có gắn biển số). Trị giá 5.600.000 đồng.

- Xe mô tô biển số 66H1-085.09, số khung: RLHJC5327CY047537; số máy: JC54E0087429, nhãn hiệu HONDA, số loại FUTURE FI, màu sơn xanh - đỏ - đen, đã qua sử dụng (xe không có gắn biển số). Trị giá là: 15.100.000 đồng.

- Xe mô tô biển số: 66G1 – 186.04, số khung RLHHC1217DY419301, số máy HC12E-5419553, nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave Alpha, màu sơn đỏ – đen, đã qua sử dụng (xe không có gắn biển số). Trị giá: 3.360.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số: 22/KLHĐĐGTS-TTHS ngày 12/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện HN kết luận: Xe mô tô

biển số: 66N6–4678, số khung: RLHJC43149Y079744; số máy: JC43E – 0615569, nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave, màu sơn đen – xám, đã qua sử dụng (xe không có gắn biển số). Trị giá: 1.943.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số: 25/KLHĐĐGTS-TTHS ngày 09/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện HN kết luận: 01 (một) cái ví da, màu đen, đã qua sử dụng. Trị giá: 8.000 đồng.

Tổng gía trị tài sản bị thiệt hại: 36.715.000 đồng *(ba mươi sáu triệu, bảy trăm mười lăm nghìn đồng).*

- Về trách nhiệm dân sự:

Biên bản thỏa thuận trách nhiệm dân sự ngày 03/6/2021, bị hại Lê Văn H yêu cầu các bị can L và H bồi thường thiệt hại đối với chiếc xe mô tô biển số 66G1 – 186.04 với số tiền 8.000.000 đồng. Các bị cáo thống nhất bồi thường cho ông H, mỗi bị can bồi thường 4.000.000 đồng. Riêng bị cáo L thống nhất bồi hoàn lại số tiền 504.000 đồng cho ông H. Đối với cái ví da, đã qua sử dụng trị giá 8.000 đồng, ông H không yêu cầu bị cáo L bồi thường thiệt hại.

Biên bản thỏa thuận trách nhiệm dân sự ngày 04/6/2021, bị hại Trần Văn Đ, yêu cầu các bị cáo L và H bồi thiệt hại đối với chiếc xe mô tô biển số 66H1 – 085.09 với số tiền 20.000.000 đồng *(Hai mươi triệu đồng),* các bị cáo thống nhất bồi thường cho ông Đ, mỗi bị can 10.000.000 đồng.

Biên bản thỏa thuận trách nhiệm dân sự ngày 10/6/2021, bị hại Lâm Quốc Th, yêu cầu các bị can L, L1 và H bồi thường thiệt hại đối với chiếc xe mô tô biển số 66N6 – 4678 với số tiền 6.000.000 đồng, các bị cáo thống nhất bồi thường cho bị hại, mỗi bị can 2.000.000 đồng *(Hai triệu đồng).*

- Vật chứng thu giữ và xử lý:

- 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 66G1 – 437.81, số khung: 3240JY167374, số máy: E3X9E456874, nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS, màu sơn đen - xanh, do anh Đinh Văn Khánh Linh là chủ sở hữu; 01 (một) xe mô tô không gắn biển kiểm soát, nhãn hiệu HAMCO, màu sơ đỏ, số khung 062PD-001270, số máy FMH-00001270 (xe biển kiểm soát 66K6-0029) và 01 (một giấy đăng ký xe mô tô số 00634330 do Lê Ngọc H1 đứng tên; 01 (một) xe mô tô không gắn biển kiểm soát, nhãn hiệu HONDA, loại Wave alpha, màu sơn đỏ, số khung: RLHHC09053Y622354, số máy: HC09E-0622487 (xe biển kiểm soát 66H4-2576) do Nguyễn Chí D đứng tên; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 049815, do Trần Văn Đ đứng tên; 01 giấy đăng ký xe mô tô số 005116, do Lâm Văn Tỷ đứng tên. Trong quá trình điều tra đây là tài sản của các ông Đinh Văn Khánh Linh, Lê Ngọc H1, Nguyễn Chí D, Trần Văn Đ và Lâm Quốc

Th, nên Cơ quan cảnh sát điều tra ra Quyết định trả lại cho các ông Đinh Văn Khánh Linh, Lê Ngọc H1, Nguyễn Chí D, Trần Văn Đ và Lâm Quốc Th.

- 01 (một) xe mô tô không gắn biển kiểm soát, số khung: RPDWCHNPD5A-009877; số máy: VZS152FMH-009877, nhãn hiệu YUMATI, màu sơn đỏ - bạc - đen, đã qua sử dụng (xe biển kiểm soát 66H7 – 2232) và 01 giấy đăng ký xe mô tô số 0019501, do Ngô Văn N đứng tên; 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 52P4-3756, nhãn hiệu LISOHAKA, màu sơn nâu, số khung DCG014LK-111641, số máy 0FMG2-000111641 và 01 một giấy đăng ký xe mô tô số 0514549 do Phạm Văn Long đứng tên. Trong quá trình điều tra, các xe mô tô trên là do các ông Nguyễn Văn Q và Hồ Văn M là chủ sở hữu hợp pháp. Nên ngày 31/3/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra ra Quyết định trả lại tài sản cho các ông Nguyễn Văn Q và Hồ Văn M tiếp tục sử dụng.

- 01 (một) điện thoại di Đ hiệu NOKIA -1010, màu xanh (đã qua sử dụng) và tiền Việt Nam 500.000 đồng là tài sản của bị cáo Lê Minh H; 01 (một) điện thoại di Đ hiệu NOKIA, màu đen (đã qua sử dụng) là tài sản của bị can Trần Hữu L; tiền Việt Nam 500.000 đồng và 01 điện thoại di Đ hiệu NOKIA, màu đen, (đã qua sử dụng) là tài sản của bị cáo Nguyễn Tấn L1; 01 (một) điện thoại di Đ hiệu NOKIA, màu xanh (đã qua sử dụng) là tài sản của bị can Lâm Phương Ng. Trong quá trình điều tra xét thấy những tài sản này không liên quan hành vi phạm tội của các bị cáo nên Cơ quan cảnh sát điều tra ra Quyết định trả lại tài sản cho các bị cáo L, L1, H và Ng.

- 01 (một) biển kiểm soát của xe 66N1-071.12, đã qua sử dụng. Xét thấy đây là vật chứng trong vụ án Trộm cắp tài sản xảy ra ở huyện TN, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện HN đã bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện TN để xử lý theo thẩm quyền.

- Đối với cây kiềm răng cưa bằng kim loại, có chiều dài khoảng 20 cm là công cụ bị cáo L dùng để thực hiện hành vi lấy trộm tài sản; 01 (một) cái ví màu đen, 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Văn H3 và 01(một) giấy đăng ký xe mô tô kiểm soát 66G1-186.04 do Thái Văn T1 đứng tên, đây tài sản do bị can L lấy trộm của ông Lê Văn H3 và ném bỏ. Nên Cơ quan Cảnh sát điều tra ra thông báo truy tìm nH1 chưa tìm được.

- Tiền Việt Nam 564.000 đồng từ việc bán xe trộm mà có. (Do bị cáo L giao nộp tại Cơ quan cảnh sát điều tra).

- Tiền Việt Nam 500.000 đồng từ việc bán xe trộm mà có. (Bị cáo H giao nộp tại Cơ quan cảnh sát điều tra)

- Tiền Việt Nam 500.000 đồng từ việc bán xe trộm mà có. (Bị cáo Ng giao nộp Cơ quan cảnh sát điều tra).

Tại Cáo trạng truy tố số 39/CT-VKSHN ngày 08 tháng 7 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, đề nghị:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 173, Điều 17, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h, khoản 1 Điều 52, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Hữu L từ 03 (ba) đến 04 (bốn) năm tù, về "Tội trộm cắp tài sản".

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, khoản 1 Điều 323, Điều 17, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h, khoản 1 Điều 52, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn L1 từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù về "Tội trộm cắp tài sản", từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù về "Tội tiêu thụ tài sản do người phạm tội mà có". Tổng hợp hình phạt 02 (hai) năm 03 (ba) tháng đến 03 (ba) năm tù.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 323, các điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, Xử phạt bị cáo Lê Minh H từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về "Tội tiêu thụ tài sản do người phạm tội mà có"

Căn cứ vào khoản 1 Điều 323, các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lâm Phương Ng 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù về "Tội tiêu thụ tài sản do người phạm tội mà có".

Căn cứ vào khoản 1 Điều 323, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù "Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", nhưng cho hưởng án treo.

Về dân sự: Đề nghị công nhận sự thỏa Th của các bị hại Lê Văn H3, Trần Văn Đ, Lâm Quốc Th với các bị cáo Trần Hữu L, Lê Minh H và Nguyễn Tấn L1.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015, đề nghị tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước: Số tiền 1.564.000 đồng (Trong đó: bị cáo Ng 500.000 đồng; bị cáo H: 500.000 đồng; bị cáo L: 564.000 đồng) tiền thu L bất chính từ việc bán xe mô tô trộm cắp mà có.

Buộc bị cáo Trần Hữu L nộp lại số tiền 14.436.000 đồng tiền thu L bất chính từ việc bán 07 xe mô tô do trộm cắp mà có.

Buộc bị cáo Lâm Phương Ng nộp lại số tiền 500.000 đồng tiền thu L bất chính từ việc bán tài sản do trộm cắp mà có.

Lời nói sau cùng của các bị cáo tại phiên tòa: Các bị cáo đã biết lỗi, ăn năn hối cải, xin được giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm về với gia đình, làm người tốt cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy ðịnh của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tạ các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với quy định của pháp luật. Các bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận hành vi của mình như nội dung Cáo trạng, phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, đã chứng minh được:

[3] Tất cả các bị cáo đều có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[4] Bị cáo L là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có hành vi cùng đồng phạm với bị cáo Nguyễn Tấn L1 cố ý trực tiếp trộm cắp xe 66H7-2232 của Nguyễn Văn Q. Ngoài ra L còn thực hiện 06 lần trộm cắp tài sản gồm 06 xe mô tô, tiền Việt Nam 504.000 đồng và cái ví da màu đen, tổng giá trị các tài sản trộm: 36.715.000 đồng. Bị cáo L thực hiện các hành vị trộm cắp tài sản để sử dụng làm nguồn sống chính, chi tiêu sinh hoạt hằng ngày và mua ma túy để sử dụng nên hành vi của bị cáo L mang tính chất chuyên nghiệp.

[5] Bị cáo L1 có hành vi trộm cắp tài sản và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Cụ thể bị cáo L1 đồng phạm với bị cáo L trộm cắp tài sản của bị hại Nguyễn Văn Q xe mô tô biển số 66H7-2232, trị giá: 3.500.000 đồng. L là người trực tiếp lấy trộm xe mô tô, còn L1 là người cảnh giới. Sau đó, L1 cùng với L đem xe mô tô bán cho Nguyễn Văn T với giá 1.100.000 đồng. Ngoài ra, L1 biết rõ tài sản do L trộm cắp mà đem bán tài sản là 01 xe mô tô biển số 52P4-3756 cho Tạ Minh P với giá 900.000 đồng. Tạ Minh P mua giùm anh Phạm Thái H2. Đồng thời, L1 giúp sức cho L đẩy xe mô tô biển số 66N6 - 4678 lấy trộm được đi tiêu thụ và còn nhận cầm xe mô tô biển số 66K6 - 0029 từ bị cáo Nguyễn Văn H, mặc dù bị cáo L1 biết rõ xe này do bị cáo L lấy trộm của người khác.

[6] Bị cáo Lê Minh H biết rõ những xe mô tô do bị cáo L đưa cho H đi tiêu thụ là do bị cáo L trộm cắp mà có, nhưng bị cáo vẫn nhiều lần đem xe đi bán. Tổng số tiền H tiêu thụ tài sản 06 chiếc xe mô tô do L trộm mà có là 15.600.000 đồng, L cho H 500.000đ. H tiêu thụ tài sản do L trộm với mục đích để L cho tiền H tiêu xài và mua ma túy để sử dụng chung.

[7] Bị cáo Lâm Phương Ng tuy không có bàn bạc, hứa hẹn trước với bị cáo L về việc đi trộm cắp tài sản, nhưng trong khoảng thời gian L liên tiếp lấy trộm được các xe mô tô mang đến cho H bán lấy tiền thì Ng đang sinh sống tại nhà của L, cùng sử dụng số tiền bán xe trộm để tiêu xài cá nhân. Cụ thể L đưa tiền cho Ng tiêu xài 1.000.000 đồng, Ng xài 500.000 đồng, còn lại 500.000 đồng đã giao nộp lại cho Cơ quan cảnh sát điều tra. Ng biết rõ số tiền L cho là có được từ việc bán xe trộm nhưng Ng vẫn lấy để tiêu xài cá nhân và chuộc điện thoại. Ngoài ra, bị cáo Ng còn đến nhà bị cáo H lấy tiền giùm cho bị cáo L, bị cáo Ng cũng biết rõ đây là số tiền do L lấy trộm xe đưa cho H đem bán mà có được.

[8] Bị cáo Nguyễn Văn H1 vì muốn mua xe với giá thấp để sử dụng mà đồng ý mua xe mô tô biển kiểm soát 66K6-0029 với giá 2.500.000 đồng do bị cáo L trộm của ông Lê Ngọc H2 đưa cho H bán. Bị cáo H1 biết rõ xe này là do phạm tội mà có do khi bán bị cáo H có nói cho H1 biết là xe trộm được nhưng H1 vẫn mua.

[9] Từ những phân tích trên, đã đủ căn cứ kết luận hành vi của các bị cáo Trần Hữu L và Nguyễn Tấn L1 là đồng phạm phạm tội trộm cắp tài sản; bị cáo Trần Hữu L phạm tội trộm cắp tài sản được quy định tại khoản 2 Điều 173 BLHS. Bị cáo Nguyễn Tấn L1 phạm tội trộm cắp tài sản và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có quy định tại khoản 1 Điều 173 và khoản 1 Điều 323 BLHS. Các bị cáo Lê Minh H, Lâm Phương Ng, Nguyễn Văn H1 phạm tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có quy định tại khoản 1 Điều 323 BLHS.

[10] BLHS quy định:

"Điều 17. Đồng phạm

1. Đồng phạm là trường hợp có hai người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm…

3. Người đồng phạm bao gồm người tổ chức, người thực hành, người xúi giục, người giúp sức.

Người thực hành là người trực tiếp thực hiện tội phạm.

Người tổ chức là người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy việc thực hiện tội phạm…"

Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định:

"1. *Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nH1 thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

…"

2. Phạm tội thuộc các trường hợp sau đây, thì phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

b) Có tính chất chuyên nghiệp.

...”

Điều 323 của Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm…”

[11] Như vậy, Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[12] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

[13] Các bị cáo nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là vi phạm pháp luật nH1 vẫn cố ý thực hiện, trực tiếp xâm phạm tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là tiếp tay cho hành vi phạm tội khác nên pháp luật nghiêm cấm và chế tài. Các bị cáo có lỗi cố ý trực tiếp và đã thực hiện tội phạm hoàn thành. Trong vụ án này, bị cáo L và bị cáo L1 là đồng phạm giản đơn, chưa có sự câu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm; Hội đồng xét xử xem xét quyết định hình phạt theo quy định tại Điều 58 BLHS. Hành vi của các bị cáo đã làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương, làm cho nhân dân hoang mang lo lắng; là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự bất chấp, xem thường pháp luật. Do đó, cần phải có mức hình phạt tương xứng, cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt và có tác dụng phòng ngừa chung, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[14] Về nhân thân, tiền án, tiền sự: 03 bị cáo L, L1, H đều có 01 tiền sự. Bị cáo Ng, H1; chưa có tiền án, tiền sự.

[15] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Đối với các bị cáo L và L1 là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo H là phạm tội hai lần trở lên và tái phạm quy định tại các điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Hai bị cáo Ng và H không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[16] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo L, thành khẩn khai báo và có ông nội là Trần Văn D được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng N, đã có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo L1 và H thành khẩn khai báo được áp dụng tình tiết giảm

nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Ng và H1 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[17] Đối với bị cáo Lâm Phương Ng chỉ sử dụng 500.000 đồng do bị cáo L cho tiền tiêu xài từ việc trộm xe mà có, số tiền không lớn, bị cáo Ng có 02 tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự khi lượng hình để áp dụng dưới khung hình phạt cho bị cáo.

[18] Đối với bị cáo H1 có nhân thân tốt chưa từng có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng. Xét thấy không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù do bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội cho nên áp dụng Điều 65 BLHS cho bị cáo được hưởng án treo.

[19] Đối với những vấn đề khác Viện kiểm sát không đề cặp đến là phù hợp nên không xem xét trong vụ án này.

[20] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo có nghề nghiệp làm thuê, ðiều kiện kinh tế thu nhập không ổn ðịnh, nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung.

[21] Về trách nhiệm dân sự: Sự thỏa thuận của các bị hại Lê Văn H3, Trần Văn Đ, Lâm Quốc Th với các bị cáo Trần Hữu L, Lê Minh H và Nguyễn Tấn L1 không trái pháp luật nên công nhận.

[20] Về xử lý vật chứng, tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm: Tịch thu, nộp Ngân sách Nhà nước: số tiền 1.564.000 đồng (Trong đó: bị cáo Ng 500.000 đồng; bị cáo H: 500.000 đồng; bị cáo L: 564.000 đồng) tiền thu lợi bất chính từ việc bán xe mô tô trộm cắp mà có.

[22] Buộc bị cáo Trần Hữu L nộp ngân sách nhà nước số tiền 14.436.000 đồng tiền thu lợi bất chính từ việc bán 07 xe mô tô do trộm cắp mà có.

[23] Buộc bị cáo Lâm Phương Ng nộp ngân sách nhà nước số tiền 500.000 đồng tiền thu lợi bất chính từ việc bán tài sản do trộm cắp mà.

[24] Đối với những vật chứng khác đã xử lý xong, không đề cập đến.

[25] Về án phí: Buộc các bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 173, Điều 17, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 của Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố: Bị cáo Trần Hữu L phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần hữu L 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 06 tháng 3 năm 2021.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, khoản 1 Điều 323, Điều 17, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm a khoản 1 Điều 55, Điều 58 của Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Tấn L1 phạm “Tội trộm cắp tài sản” và "Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn L1 09 (chín) tháng tù về "Tội trộm cắp tài sản" và 09 (chín) tháng tù về "Tội tiêu thụ tài sản do người phạm tội mà có". Tổng hợp hình phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 06 tháng 3 năm 2021.

3. Căn cứ vào khoản 1 Điều 323, các điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố: Bị cáo Lê Minh H phạm “Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Xử phạt bị cáo Lê Minh H 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 01 tháng 4 năm 2021.

4. Căn cứ vào khoản 1 Điều 323, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự, khoản 5 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Tuyên bố: Bị cáo Lâm Phương Ng phạm “Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Xử phạt bị cáo Lâm Phương Ng 04 (bốn) tháng 10 (mười) ngày tù. Thời hạn phạt tù bằng thời gian bị cáo đã bị tạm giam. Tuyên bố trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Lâm Phương Ng nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

5. Căn cứ vào khoản 1 Điều 323, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự ,

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn H1 phạm “Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 06 (sáu) tháng tù nH1 cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 24 tháng 9 năm 2021).

Trong thời gian thử thách, giao người được hưởng án treo Nguyễn Văn H1 cho Ủy ban nhân dân phường AB A, thành phố HN, tỉnh Đồng Tháp để giám

sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án Nguyễn Văn H1 có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người được hưởng án treo.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo Nguyễn Văn H1 cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người bị kết án Nguyễn Văn H1 phải chấp hành hình phạt tù của bản án này. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người được hưởng án treo Nguyễn Văn H1 phải chấp hành hình phạt của bản án này và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

6. Về trách nhiệm dân sự:

6.1. Công nhận sự thỏa thuận giữa bị hại Lê Văn H3 với các bị cáo Trần Hữu L và Lê Minh H; Bị cáo Trần Hữu L và Lê Minh H có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho ông Lê Văn H3 số tiền 8.000.000 đồng (tám triệu đồng). Trong đó phần của mỗi bị cáo bồi thường 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng).

6.2. Công nhận sự thỏa thuận giữa bị hại Lê Văn H3 với bị cáo Trần Hữu L. Bị cáo Trần Hữu L trả lại cho ông Lê Văn H3 số tiền 504.000 đồng (năm trăm lẻ bốn nghìn đồng).

6.3. Công nhận sự thỏa thuận giữa bị hại Trần Văn Đ với các bị cáo Trần Hữu L và Lê Minh H: Bị cáo Trần Hữu L và Lê Minh H có trách nhiệm liên đới bồi thiệt hại cho ông Trần Văn Đ số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Trong đó phần của mỗi bị cáo là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

6.4. Công nhận sự thỏa thuận giữa bị hại Lâm Quốc Th với các bị cáo Trần Hữu L, Nguyễn Tấn L1, Lê Minh H: Bị cáo Trần Hữu L, Nguyễn Tấn L1, Lê Minh H có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho anh Lâm Quốc Th số tiền 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng). Trong đó phần của mỗi bị cáo bồi thường là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

7. Căn cứ vào khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử lý vật chứng, tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm:

7.1. Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước số tiền thu lợi bất chính 1.564.000 đồng. Trong đó: Bị cáo Ng 500.000 đồng; bị cáo H: 500.000 đồng; bị cáo L: 564.000 đồng. (do Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN, tỉnh Đồng Tháp đang quản lý theo Biên bản thu tiền số 004924 ngày 29 tháng 7 năm 2021).

7.2. Buộc bị cáo Trần Hữu L nộp ngân sách nhà nước nước số tiền thu L bất chính 14.436.000 đồng (mười bốn triệu, bốn trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

7.3. Buộc bị cáo Lâm Phương Ng nộp ngân sách nhà nước số tiền tiền thu L bất chính 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng).

8. Về án phí, căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, f khoản 1 Điều 23 và Danh mục án phí, lệ phí tòa án kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Trần Hữu L chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 825.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng là 1.025.000 đồng (một triệu, không trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Bị cáo Lê Minh H chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 800.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Bị cáo Nguyễn Tấn L1 chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng là 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng). Bị cáo Lâm Phương Ng và Nguyễn Văn H1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

9. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 24 tháng 9 năm 2021). Đối với bị hại, người có quyền L, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các bị cáo;
- Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra cùng cấp;
- Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp;
- Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền;
- Nơi đang giam giữ bị cáo (nếu có);
- Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thì Trang